

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/DS-ST

Ngày: 14-11-2019

V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiên Di.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Ông Mai Trần Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST- DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Thị Thu H, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 12, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Tổ 02, ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; “có mặt”.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Đ (Trần Thị Ngọc Đ), sinh năm 1974 và anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1969; cùng cư trú tại: Số nhà 133, tổ 04, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị Đ có mặt, anh Đ vắng mặt có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Châu Thị Thu H trình bày:

Vào năm 2009, Chị Đ có vay tiền của chị H 03 lần, tổng cộng 80.000.000 đồng. Ngày vay tiền và số tiền cụ thể mỗi lần vay chị không nhớ nhưng đến ngày 19/7/2009, Chị Đ viết giấy nợ cho chị số tiền 80.000.000 đồng; Chị Đ hứa mỗi ngày trả cho chị 300.000 đồng, nhưng không thực hiện.

Ngoài ra Chị Đ còn chơi của chị 02 dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi 3.000.000 đồng, Chị Đ còn 04 lần, chưa đóng hụi chết cho chị với số tiền 12.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng, Chị Đ chơi 04 phần, đã hốt hụi và đóng hụi chết cho chị, còn nợ lại 80.000.000 đồng thì ngưng.

Chị H chơi hụi do Chị Đ làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Hụi 500.000 đồng, một tháng khui 02 lần, chị đóng được 15 lần với số tiền 15.000.000 đồng thì Chị Đ vỡ hụi.

Chị mua của Chị Đ 02 phần hụi với số tiền 27.000.000 đồng.

Do hụi chơi đã lâu và đã mãn nên nay chị không nhớ cụ thể hụi khui ngày nào, mãn ngày nào và hụi có bao nhiêu phần, nhưng đến ngày 22/10/2009 Chị Đ viết giấy nợ còn nợ chị số tiền 139.000.000 đồng; trong đó nợ tiền hụi là 134.000.000 đồng và nợ tiền vay là 5.000.000 đồng.

Cũng trong ngày 22/10/2009, Chị Đ viết giấy nợ cho chị, tổng cộng là 219.000.000 đồng.

Toàn bộ các giấy nợ đều do Chị Đ viết, kí tên và giao cho chị H giữ.

Từ khi chót nợ, viết giấy nhận nợ cho đến nay, Chị Đ nhiều lần hẹn trả nợ nhưng không thực hiện. Quá trình chơi hụi và vay tiền, anh Đ là chồng Chị Đ đều chở Chị Đ đến nhà chị để lấy tiền và chị đưa tiền trực tiếp cho hai vợ chồng Chị Đ, anh Đ. Khi vay tiền và hốt hụi, Chị Đ nói với chị là về để lo trang trải cuộc sống sinh hoạt trong gia đình.

Nay chị yêu cầu vợ chồng Chị Đ, anh Đ cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 219.000.000 đồng; trong đó tiền vay là 85.000.000 đồng, tiền hụi là 134.000.000 đồng.

- Theo các lời khai trong quá trình làm việc, bị đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Chị Đ thừa nhận chị có nợ tiền vay, tiền hụi và có viết biên nhận nợ cho chị H số tiền 219.000.000 đồng như trình bày của chị H. Sau khi viết giấy nợ, chị có trả góp cho chị H nhiều lần với số tiền là 35.000.000 đồng, chị có ghi sổ theo dõi nhưng hiện nay sổ của chị đã bị mất nên không cung cấp được cho Tòa án. Chị vay tiền của chị H về để cho chị T và chị H (chị không biết họ tên cụ thể) vay lại và chị lấy tiền lời để đóng tiền góp cho chị H. Hiện nay chị T đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, còn chị H đã chết. Số tiền chị vay và chơi hụi nợ chị H, chị không sử dụng vào việc chi tiêu sinh hoạt của gia đình. Số tiền nợ trên, chồng chị là anh Đ hoàn toàn không biết nên không liên quan đến anh Đ. Khi viết giấy nợ chị có để tên chồng của chị là anh Phùng Văn Đ vào giấy nợ nhưng chồng chị không ký tên do chồng chị hoàn toàn không biết việc chị vay tiền, chơi hụi của chị H. Nay chị H yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền 219.000.000 đồng, chị không đồng ý vì trong tổng số nợ chị viết giấy nợ thì chị đã trả được cho chị H số tiền 35.000.000 đồng, còn nợ chị H số tiền 184.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền này. Việc chị vay tiền, chơi hụi của chị H về cho người khác vay lại chồng chị không biết nên chị không yêu cầu chồng chị phải chịu trách nhiệm cùng chị trả số tiền trên cho chị H.

- Theo các lời khai trong quá trình làm việc, bị đơn anh Phùng Văn Đ trình bày:

Anh không liên quan gì đối với số nợ mà chị H khởi kiện, anh không vay mượn hay kí giấy nợ nên không đồng ý trả số tiền trên cho chị H.

Tại phiên tòa:

Chị Châu Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng Chị Đ, anh Đ cùng có nghĩa vụ trả số tiền 219.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Trần Thị Đ chỉ đồng ý trả số tiền 184.000.000 đồng và yêu cầu được trả dần; anh Phùng Văn Đ vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 166 Bộ luật Dân sự, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Chị Đ, anh Đ cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay và tiềnhui chết tổng cộng 219.000.000 đồng.

Về án phí: Chị Đ, anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Châu Thị Thu H khởi kiện bị đơn là chị Trần Thị Đ, anh Phùng Văn Đ có nơi cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bị đơn, anh Phùng Văn Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn thực hiện các giao dịch về vay tài sản và góp hui từ năm 2009. Kể từ ngày chốt nợ 22/10/2009 cho đến ngày nguyên đơn khởi kiện 01/7/2019 thì quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui đã hết thời hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp đòi tài sản”.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu của chị H: Xét yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu vợ chồng Chị Đ, anh Đ cùng có nghĩa vụ trả tiền vay 85.000.000 đồng và tiền nợ hui 134.000.000 đồng: Chị Đ thừa nhận có vay tiền, chơi các dây hui và sau khi chốt nợ có viết giấy nhận nợ 219.000.000 đồng như chị H trình bày, đây là tình tiết không phải chứng minh. Chị Đ trình bày sau khi viết giấy nhận nợ thì có trả góp cho chị H được 35.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh gì về việc đã trả số tiền trên nên không có cơ sở xem xét. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc bị đơn trả số tiền vay còn nợ 85.000.000 đồng và số tiền hui còn nợ 134.000.000 đồng, tổng cộng 219.000.000 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu vợ chồng Chị Đ, anh Đ cùng có nghĩa vụ trả số tiền 219.000.000 đồng, thấy rằng: Số nợ phát sinh Chị Đ thừa nhận sử dụng vào việc cho người khác vay lại, mục đích tạo thu nhập cho gia đình, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Anh Đ từ chối tham gia tố tụng, từ chối cung cấp thông tin về vụ án là từ bỏ quyền lợi phản bác và chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu của anh. Từ lúc vay tiền và tham gia chơi hui cho đến nay, giữa Chị Đ, anh Đ vẫn còn là vợ chồng; do đó có căn cứ xác định đây là số nợ chung cả

hai phải cùng có nghĩa vụ trả cho chị H là phù hợp với các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Chị Đ, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.950.000 (mười triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị Thu H yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị Đ (Trần Thị Ngọc Đ), anh Phùng Văn Đ trả số tiền vay và số tiền hụi còn nợ.

Buộc vợ chồng Chị Đ, anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vay còn nợ 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng và số tiền hụi còn nợ 134.000.000 (một trăm ba mươi bốn nghìn) đồng; tổng cộng 219.000.000 (hai trăm mười chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Đ, anh Đ phải chịu 10.950.000 (mười triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho chị H 5.475.000 (năm triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006127 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, anh Phùng Văn Đ vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã kí)

Nguyễn Thiên Di
